

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 6

Phẩm 11: XỨ PHƯƠNG TIỆN NHẪN

Thế nào là Bồ-tát hành Nhẫn nhục Ba-la-mật? Lược nói có chín thứ: Một là tự tánh nhẫn. Hai là nhất thiết nhẫn. Ba là nan nhẫn. Bốn là nhất thiết môn nhẫn. Năm là thiện nhân nhẫn. Sáu là nhất thiết hành nhẫn. Bảy là trừ não nhẫn. Tám là đời này đời khác lạc nhẫn. Chín là thanh tịnh nhẫn.

Thế nào là tự tánh nhẫn? Bồ-tát dựa vào sức của tư duy, nếu như sức của tánh có thể nhẫn việc làm không lợi ích của người khác thì tất cả các nhẫn nương vào tâm vô tham, tâm bi thuần nhất, đây gọi là tự tánh nhẫn.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết nhẫn? Lược nói có hai loại: Một là tại gia. Hai là xuất gia. Hai loại này mỗi loại đều có ba thứ: Một là nhẫn đối với người không tạo lợi ích. Hai là nhẫn an khổ. Ba là nhẫn pháp hiểu rõ tư duy.

Nhẫn đối với người không tạo lợi ích, nghĩa là từ xa xưa đến nay, khổ lớn không gián đoạn vì người khác không tạo lợi ích, hiện tiền lại bức thiết, Bồ-tát tư duy như thế này: Tự nghiệp của ta quá xấu ác, vốn xưa đã tạo tội nên ngày nay phải chịu khổ. Hôm nay nếu không nhẫn thì trở lại làm nhân duyên khổ lớn cho đời sau. Ta nay vì việc tự tạo khổ lần nữa, không do người khác. Vả lại, thân ta và người kia đều là hành khổ của hết thảy pháp hữu vi. Kẻ kia không biết nên tăng thêm khổ cho ta, ta nay có trí vì sao lại muốn tăng thêm khổ cho kẻ ấy. Lại nữa, Thanh văn tự lợi hãy còn không đem khổ thêm cho người khác, huống gì là Bồ-tát luôn tạo lợi ích rộng cho chúng sinh. Tư duy như vậy rồi, tu tập năm thứ tưởng, đối với người oán kẻ thân, người không oán không thân, thuộc phẩm hạ, trung, thượng, hoặc khổ hoặc vui, có đức, không đức,

chúng sinh như vậy, tất cả đều có thể nhẫn. Những gì là năm thứ tướng? Một là tướng vốn là thân thuộc. Hai là tướng pháp số. Ba là tướng vô thường. Bốn là tướng khổ. Năm là tướng thân giữ.

Tướng vốn là thân thuộc nghĩa là Bồ-tát khởi tư duy thế này: Chúng sinh từ xa xưa đến nay hầu hết đều là thân thuộc, hoặc là cha, hoặc là mẹ, anh em chị em, Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc là thầy, hoặc là những bậc thầy đáng tôn kính. Tư duy như vậy, xả bỏ tướng oán ghét không tạo lợi ích, khởi tướng vốn thân thuộc, nương vào tướng vốn thân thuộc rồi, đối với người không tạo lợi ích đều có thể gắng nhẫn.

Tướng pháp số nghĩa là Bồ-tát khởi tư duy thế này: Nhân duyên hành số, pháp số, không có ngã, chúng sinh, thọ mạng, không có kẻ sinh, kẻ mắng, kẻ đánh, kẻ tranh chấp. Khi tư duy đúng đắn như thế, xa lìa tướng chúng sinh, trụ nơi tướng pháp số, nương vào tướng pháp số rồi, đối với người không tạo lợi ích đều có thể an nhẫn.

Tướng vô thường nghĩa là Bồ-tát tư duy: Tất cả chốn sinh của chúng sinh, hết thảy đều là pháp vô thường hoại diệt, ở trên lại có việc không tạo lợi ích, muốn đoạn mạng kia, như vậy tánh vô thường nơi chúng sinh là pháp chết. Người trí không khởi tâm không thanh tịnh, hướng gì lại dùng tay, đá, đao, gậy, nhằm đoạn mạng kia. Chánh tư duy như vậy thì lìa tướng thường, kiên cố, trụ tướng vô thường, không kiên cố. Nương nơi tướng vô thường rồi, đối với người không tạo lợi ích thảy đều có thể an nhẫn.

Tướng khổ là Bồ-tát quán thế này: Người đầy đủ đại lực hãy còn không lìa ba khổ, đó là hành khổ, biến dịch khổ và khổ khổ, hướng gì là người không đầy đủ đại lực. Bồ-tát khi quán như vậy, đối với chúng sinh thường khổ muốn khiến họ xa lìa khổ. Vì sao thêm báo lại tăng thêm khổ cho kẻ kia? Khi chánh tư duy như vậy, sẽ lìa tướng lạc, trụ nơi tướng khổ, có tướng nhẫn khổ xong, đối với người không tạo lợi ích đều có thể gắng nhẫn.

Tướng thân giữ nghĩa là Bồ-tát tư duy thế này: Ta vì tất cả chúng sinh nên phát tâm Bồ-đề, đối với tất cả chúng sinh tác tướng thân thuộc: Ta nên thân giữ tất cả khiến được an vui. Không nên đối với các chúng sinh thân thuộc là xứ cần tạo lợi ích, lại gia thêm việc không tạo lợi ích. Khi chánh tư duy như vậy, sẽ diệt trừ tướng khác, trụ trong tướng thân giữ, nương vào tướng thân giữ rồi, đối với người không tạo lợi ích đều có thể an nhẫn.

Thế nào là nhẫn? Nếu không sân, không báo, tâm không ôm hận, đấy gọi là nhẫn. Nhẫn an khổ nghĩa là Bồ-tát tư duy thế này: Ta từ

xưa đến nay, vì luôn cầu các việc dục nên tạo những nhân khổ, chịu vô lượng khổ lớn. Đó là sự nghiệp kinh doanh buôn bán ở đời để sống, trồng trọt, phụng sự nhà vua... các khổ như vậy, đều trải qua đầy đủ, đều là ngu tối nên không biết lỗi lầm, nay phải tu học nhân vui, đầy đủ pháp thiện, thì vô lượng các khổ thảy đều an nhẫn, huống gì là khổ nhỏ. Khi chánh tư duy như vậy, học tuệ đầy đủ, tất cả việc khổ thảy đều có thể an nhẫn. Tất cả các sự khổ lược nói có tám thứ: Một là xứ y. Hai là xứ thế pháp. Ba là xứ oai nghi. Bốn là xứ nhiếp pháp. Năm là xứ Tỳ-khưu tùy giới. Sáu là xứ phương tiện. Bảy là xứ lợi chúng sinh. Tám là xứ các chỗ tạo tác.

Xứ y nghĩa là bốn pháp nương dựa, nương nơi chánh pháp xuất gia, đấng phần Tỳ-khưu. Bồ-tát bị các thứ thô tạp xấu ác không cung kính và gây trở ngại không đúng lúc, tâm không buồn khổ, Bồ-tát đối với các khổ kia, không bỏ tinh tấn, như thế gọi là an nhẫn y khổ.

Xứ thế pháp có chín loại: Một là không lợi. Hai là không khen. Ba là chê bai. Bốn là khổ. Năm là pháp hoại hủy hoại. Sáu là pháp tận diệt tận. Bảy là pháp lão suy lão. Tám là pháp bệnh hiện bệnh. Chín là pháp tử hiện tử. Các thế pháp này, hoặc lia hoặc hợp có thể sinh các khổ, đây gọi là xứ thế pháp. Bồ-tát đối với các khổ kia không bỏ tinh tấn, như thế gọi là an nhẫn nơi thế pháp khổ.

Xứ oai nghi có bốn oai nghi là đi, đứng, ngồi, nằm. Bồ-tát này hoặc đi, hoặc ngồi, ngày đêm hai thời, trừ bỏ ẩm chướng, tâm được thanh tịnh, không nằm phi thời, giường nằm nệm ngồi trải bằng cỏ, lá, nhân đầy mệt nhọc sinh các khổ, thảy đều có thể nhẫn. Bồ-tát đối với các khổ kia không bỏ tinh tấn, đó gọi là an nhẫn nơi oai nghi khổ.

Xứ nhiếp pháp có bảy thứ: Cúng dường báu, cúng dường đức, thưa hỏi, thọ nhận chánh pháp, rộng vì người nói, dùng âm thanh vi diệu để tán thán, một mình yên tịnh tư duy, quán sát xứng lượng, nhớ nghĩ thấu nhận, tu tập chỉ quán. Nếu Bồ-tát thấu giữ bảy pháp này làm phương tiện tu tập, thì các khổ v đã khởi đều có thể an nhẫn, trọn không nhân đây mà bỏ chánh phương tiện.

Xứ Tỳ-khưu tùy giới có bảy thứ: Một là hủy hình đẹp, bỏ râu tóc, xả tướng thế tục. Hai là đắp y hoại sắc. Ba là trừ bỏ việc làm thế tục, không như pháp; tâm chánh niệm trụ. Bốn là nương vào người mà sống, bỏ sự nghiệp thế tục. Năm là suốt đời theo người khác xin y, không cất chứa. Sáu là suốt đời ngăn cản năm dục của người, thấu giữ các căn môn, xả phi phạm hạnh. Bảy là suốt đời xả bỏ các thứ vui chơi như ca múa, xướng hát. Những thứ như vậy đã tạo ra những gian nan, Tỳ-khưu

hành giới do vậy sinh khổ. Bồ-tát an nhẫn không xả bỏ tinh tấn. Tinh tấn, siêng năng nghĩa là Bồ-tát tinh tấn cúng dường Tam bảo, thọ trì đọc tụng kinh tạng Bồ-tát, biên chép, giải nói và suy nghĩ về các nghĩa ấy, tăng thêm chuyên cần, tinh tấn để tu tập Thánh đạo, do vậy sinh khổ, Bồ-tát an nhẫn không do vậy mà bỏ tinh tấn.

Xứ lợi chúng sinh lược nói có mười một việc, như trước đã nói, do vậy sinh khổ, Bồ-tát an nhẫn, không nhân vậy mà bỏ tinh tấn.

Xứ các chỗ tạo tác thì sự nghiệp của người xuất gia là y bát..., sự nghiệp của người tại gia là tạo tác để sinh sống, nhân đó sinh khổ, Bồ-tát an nhẫn không nhân vậy mà bỏ tinh tấn.

Bồ-tát tuy thọ các khổ, nhưng quyết phải an nhẫn tu Bồ-đề vô thượng, không thể không tu tập, tu tập rồi trọn không thối chuyển, tâm thường hoan hỷ, không sinh nhiễm ô. Đó gọi là pháp nhẫn an khổ.

Nhẫn tư duy giải nghĩa là Bồ-tát đối với pháp phải lựa chọn đúng đắn, khéo quán sát mở bày, đối với tám thứ xứ giải thâm nhập buộc giữ niệm, đó là công đức Tam bảo, là nghĩa chân thật, là lực đại thần thông của chư Phật Bồ-tát, hoặc nhân, hoặc quả, được nghĩa thích hợp, đắc nghĩa phương tiện, nhận biết về hành xứ. Lại nữa, giải có hai nguyên do: Một là tu tập lâu xa, hai là được vui tịnh trí. Vậy gọi là Bồ-tát hành nhất thiết nhẫn. Nương vào ba loại phân biệt, nói rộng là nan nhẫn...

Thế nào là nan nhẫn? Lược nói có ba thứ: Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh thấp kém, không tạo lợi ích cho mình, đều có thể an nhẫn, vậy gọi là nan nhẫn thứ nhất.

Nếu đối với người giúp việc, tự có thể gắng nhẫn, đó gọi là nan nhẫn thứ hai.

Người thuộc dòng họ thấp kém, khởi lỗi tăng thượng mà có thể an nhẫn, đó gọi là nan nhẫn thứ ba.

Thế nào là nhất thiết môn nhẫn của Bồ-tát? Lược nói có bốn thứ: Một là an nhẫn việc không tạo lợi ích của người thân thuộc. Hai là an nhẫn việc không tạo lợi ích của oán gia. Ba là an nhẫn những việc không tạo lợi ích của người không thân không oán. Bốn là an nhẫn những việc không tạo lợi ích thượng, trung, hạ.

Thế nào là thiện nhân nhẫn? Lược nói có năm thứ. Bồ-tát này trước thấy hành nhẫn có nhiều phước lợi, nghĩa là người tu hành nhẫn, ở đời vị lai không có nhiều kết hận, không nhiều trái lìa, tâm nhiều hỷ lạc, khi chết không hối, thân hoại mạng chung sinh vào đường thiện, sinh lên cõi trời. Thấy những công đức phước lợi như vậy, nên có thể tự an nhẫn và dạy người hành nhẫn, đối với người khác luôn ca ngợi công

đức nhẫn nhục, thấy người hành nhẫn sinh tâm tùy hỷ.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết hành nhẫn? Nghĩa là sáu thứ, bảy thứ, lược nói là mười ba thứ. Bồ-tát thấy người không nhẫn nhục, mắc khổ báo lớn, lo sợ cho nên nhẫn. Vì tâm từ, tâm bi, tâm gần gũi sâu xa, tâm thương yêu đối với chúng sinh cho nên nhẫn. Ân cần muốn cầu Bồ-đề vô thượng, muốn đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật làm nhân cho nên nhẫn. Do sức của nhẫn nên xuất gia.

Đức Thế Tôn dạy: Thường phải đầy đủ những giới thọ trì, là xuất gia nhẫn, đầy gọi là thọ pháp nhẫn. Chủng tánh đầy đủ và trước trụ hiện tại tu tập, đó gọi là tánh nhẫn. Biết tất cả pháp không có chúng sinh, mọi nhận thức phải lìa ngôn thuyết, pháp số, đó gọi là chánh niệm pháp nhẫn. Hết thấy không tạo lợi ích nhẫn, nhất thiết nhẫn, nhất thiết xứ nhẫn, đó là một người và đại chúng hội. Tất cả thời nhẫn, nghĩa là sáng sớm, giữa trưa, chiều tối, ngày đêm, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc bệnh, không bệnh, hoặc nằm, hoặc đứng dậy, thân luôn luôn hành nhẫn, không xúc nã ai, miệng thường hành nhẫn xa lìa lời nói không thân ái, ý thường hành nhẫn không khởi sân hận, kể cả không khởi những hy vọng bất tịnh.

Thế nào là Bồ-tát hành trừ não nhẫn? Lược nói có tám thứ: Một là Bồ-tát đối với người cầu khổ, an nhẫn không não hại. Hai là đối với người ác tăng thượng hung bạo, nương vào tâm đại bi mà an nhẫn không não hại. Ba là đối với người xuất gia phạm giới, nương vào tâm đại bi mà an nhẫn không não hại. Và năm thứ tinh tấn an nhẫn không não hại. Chúng sinh khổ não vì muốn dứt trừ khổ nên cầu pháp và pháp tiếp pháp hưởng pháp, như vậy nên rộng vì họ mà tuyên thuyết. Nếu chúng sinh đã làm thì thấy đều lo liệu giúp đỡ, tinh tấn hành trì, đó gọi là tám thứ trừ não nhẫn. Chúng sinh tạo hoạn nạn thì an nhẫn để dứt trừ, còn chỗ nào thiếu thốn thì an nhẫn để tạo lợi ích.

Thế nào là Bồ-tát nơi đời này đời khác vui thích nhẫn? Lược nói có chín thứ: Bồ-tát nầy trụ trong pháp thiện, không buông lung, có thể an nhẫn đối với các trường hợp lạnh, nóng, đói, khát, mòng muỗi đốt, chích, tiếp xúc với những thứ độc hại của gió, mặt trời, tất cả đều an nhẫn, thân tâm khổ nhọc đều an nhẫn. Rơi vào biển sinh tử, chịu sinh, già, bệnh, chết, thương xót chúng sinh chịu đủ các khổ, các thứ nhẫn nhục như vậy, Bồ-tát ở trong hiện pháp tự trụ an lạc, tất cả các ác thấy đều xa lìa, lại làm nhân duyên cho đời sau được an lạc, lại còn giúp được người đời nay đời sau an ổn vui vẻ. Vì thế nên gọi là đời này đời sau vui thích nhẫn.

Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh nhẫn? Lược nói có mười thứ: Một là người không tạo lợi ích, không có tâm báo trả. Hai là không khởi sân hận. Ba là không có tưởng oán ghét. Bốn là thường tạo lợi ích trước như bản tâm, sau cũng vậy, luôn làm việc lợi ích, bỏ việc không tạo lợi ích. Năm là đối với người không tạo lợi ích cho mình, dùng lời nhẹ nhàng từ tạ. Sáu là nếu kẻ kia sám hối, nên nhanh chóng thọ nhận. Bảy là thấy kẻ kia không nhẫn, dùng tâm bi giúp thêm cho họ. Tám là thấy kẻ kia tu nhẫn, kính Phật thêm gấp bội. Chín là với chúng sinh sợ hãi khởi tâm bi sâu xa. Mười là đoạn trừ tất cả những lỗi không nhẫn, lìa dục đạt thanh tịnh. Mười thứ đó gọi là Bồ-tát hành thanh tịnh nhẫn. Như vậy từ tự tánh nhẫn, cho đến thanh tịnh nhẫn, là quả đại Bồ-đề rộng lớn vô lượng, nhờ nương vào nhẫn này mà tất đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.
